

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ GỐC 2

PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Khi tạo bảng NhạcSi (idNhacSi, TenNhacSi), cần loại bỏ đánh dấu ALLOW NULL cho trường idNhacsi vì mục đích nào dưới đây?

- A. Để giá trị không thể trống. B. Để giá trị không thể trùng lặp.
C. Để giảm dung lượng lưu trữ. D. Để khóa giá trị mặc định.

Câu 2: Thao tác nào dưới đây được thực hiện ngay sau khi hoàn thành việc tạo cấu trúc bảng?

- A. Tạo lập CSDL. B. Thêm mới dữ liệu. C. Truy xuất dữ liệu. D. Tìm kiếm dữ liệu.

Câu 3: Trong HeidiSQL, lệnh nào sau đây được thực hiện để tạo lập bảng?

- A. Create new → database. B. Create new → table.
C. Create new → view. D. Create new → table copy.

Câu 4: Trong giao diện thiết kế bảng của HeidiSQL, để thiết lập giá trị mặc định cho dữ liệu của một trường, ta thao tác tại cột nào sau đây?

- A. Length/set. B. Data Type (Kiểu dữ liệu).
C. Allow NULL D. Default (Mặc định).

Câu 5: Trong HeidiSQL, lệnh nào sau đây khai báo khóa chính cho bảng?

- A. Create new index → Key. B. Create new index → Primary.
C. Create new index → Unique. D. Create new → database.

Câu 6: “Muốn chọn 2 trường liên kế để tạo khóa cấm trùng lặp, ta chọn trường đầu tiên → nhấn phím ... → chọn trường thứ 2.” Dấu ... là phương án nào dưới đây?

- A. Shift. B. Ctrl. C. Tab. D. Alt.

Câu 7: Trong giao diện tạo lập bảng của HeidiSQL, trước trường khóa cấm trùng lặp của một bảng có biểu tượng chiếc chìa khóa màu gì?

- A. Đỏ. B. Xanh. C. Vàng. D. Tím.

Câu 8: Trong HeidiSQL, khi tạo khóa ngoài trong thẻ Foreign Keys, cột Reference table có chức năng gì?

- A. Chọn trường khóa ngoài. B. Chọn bảng tham chiếu.
C. Chọn trường tham chiếu. D. Thêm trường mới.

Câu 9: Trong HeidiSQL, sử dụng thẻ nào sau đây để xem toàn bộ dữ liệu trong bảng đã được chọn?

- A. Query (Truy vấn). B. Data (Dữ liệu).
C. Table (Bảng). D. Database (CSDL).

Câu 10: Công việc nào dưới đây KHÔNG thuộc thao tác cập nhật dữ liệu?

- A. Sắp xếp dữ liệu. B. Thêm mới dữ liệu.
C. Chỉnh sửa dữ liệu. D. Xóa dòng dữ liệu.

Câu 11: Trong HeidiSQL, thao tác nào sau đây dùng để thêm vào một hàng dữ liệu mới?

- A. Nhấn phím Insert. B. Chọn biểu tượng .
C. Chọn biểu tượng . D. Nháy phải chuột chọn Quick Filter.

Câu 12: Trong HeidiSQL, nút lệnh nào dưới đây dùng để xóa dòng dữ liệu đã được chọn?

- A.  B.  C.  D. 

PHẦN II. Trắc nghiệm Đúng/Sai (4 điểm). Thí sinh trả lời 4 câu hỏi. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Trong một tiết học về phần mềm HeidiSQL. Các học sinh trong lớp đưa ra một số nhận định về đặc điểm phần mềm HeidiSQL như sau:

- a) HeidiSQL là phần mềm mã nguồn đóng. (B, Sai)
- b) HeidiSQL cho phép người dùng kết nối với nhiều hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau. (B, Đúng)
- c) HeidiSQL là phần mềm dùng để lập trình. (H, Sai)
- d) Người dùng có thể thay đổi ngôn ngữ giao diện của HeidiSQL sau khi cài đặt. (VD, Đúng)

Câu 2: Trong giờ tin học, khi thực hành hiểu về xác định cấu trúc bảng và các trường khóa của CSDL quản lý kinh doanh bao gồm các bảng:

KhachHang(idKhachHang, HoTen, SoDienThoai)

SanPham(idSanPham, TenSanPham, GiaBan, idLoaiSP)

LoaiSanPham(idLoaiSP, TenLoai)

DonHang(idDonHang, NgayDat, idKhachHang, idSanPham, SoLuong)

Một số bạn đưa ra các nhận định như sau:

- a) idLoaiSP là khóa chính trong bảng LoaiSanPham và cũng là khóa ngoài trong bảng SanPham. (B, Đúng)
- b) idKhachHang trong bảng DonHang tham chiếu đến idKhachHang trong bảng KhachHang. (B, Đúng)
- c) Bảng SanPham có 1 khóa chính và 2 khóa ngoài. (B, Sai)
- d) TenSanPham trong bảng SanPham là khóa cấm trùng lặp giá trị. (VD, Sai)

Câu 3: Một nhóm học sinh thực hiện thiết kế CSDL cho phần mềm quản lý thư viện trường. Hùng được giao nhiệm vụ tạo lập, cập nhật, truy vấn dữ liệu cho bảng NguoiMuon như sau:

NguoiMuon (MaNguoiMuon, HoTenNM, NgaySinh, Lop)

Một số bạn trong nhóm đưa ra ý kiến về bảng NguoiMuon của Hùng:

- a) Dữ liệu nhập cho trường MaNguoiMuon (khóa chính) có thể để trống. (B, Sai)
- b) Việc đặt tên bảng NguoiMuon là thao tác xác định cấu trúc bảng. (B, Đúng)
- c) **Select HoTenNM, NgaySinh from NguoiMuon** là câu truy vấn SQL tạo ra danh sách gồm HoTenNM, NgaySinh của tất cả người mượn trong bảng NguoiMuon. (H, Đúng)
- d) **Select MaNguoiMuon, HoTenNM from NguoiMuon Where HoTenNM like 'Nguyễn%'** là câu truy vấn SQL tạo ra danh sách gồm MaNguoiMuon, HoTenNM của các người mượn có họ tên là 'Nguyễn'. (VD, Sai)

Câu 4: Để thực hành tạo lập bảng CaSi (idCaSi, TenCaSi) cho CSDL quản lý âm nhạc, nhóm thiết kế CSDL đã thực hiện trên giao diện của HeidiSQL sau:

Columns: + Add × Remove ▲ Up ▼ Down							
#	Name	Datatype	Length/Set	Unsigned	Allow NULL	Zerofill	Default

Sau đây một số nhận định về các thao tác có thể thực hiện với CSDL trên.

- a) Để thêm mới một trường vào bảng thì nhấn nút + Add. (B, Đúng)
- b) Chọn kiểu dữ liệu của các trường tại cột Datatype. (B, Đúng)
- c) Khi tạo trường TenCaSi, tại cột Default cần chọn AUTO_INCREMENT. (H, Sai)

d) Để tạo khóa chính cho bảng là idCaSi, ta nháy phải chuột lên trường idCaSi đã tạo → chọn Create new index → chọn Key. (VD, Sai)

PHẦN III. Tự luận (3 điểm)

Cho cơ sở dữ liệu QuanLiKinhDoanh gồm các bảng sau:

- HocSinh (MaHocSinh, HoVaTen, Lop).
- MonHoc (MaMonHoc, TenMonHoc).
- BangDiem (MaHocSinh, MaMonHoc, NgayKiemTra, DiemSo).

Câu 1. (1 điểm) Xác định khóa chính, khóa ngoài, kiểu dữ liệu cho các trường trong bảng BangDiem

Câu 2. (1 điểm) Viết câu lệnh SQL hiển thị tất cả các trường trong bảng HocSinh, sắp xếp tăng dần theo Lop

Câu 3. (1 điểm) Viết câu lệnh SQL hiển thị ra các trường MaHocSinh, TenMonHoc, DiemSo của học sinh được kiểm tra vào ngày '07/3/2026'

Đáp án:

Câu 1: Khóa chính: MaHocSinh

Khóa ngoài: MaMonHoc

Kiểu dữ liệu: MaHocSinh: int/varchar/char

MaMonHoc: int/varchar/char

NgayKiemTra: Date

DiemSo: real

Câu 2:

Select *

From HocSinh

Order by Lop

Câu 3:

Select BangDiem.MaHocSinh, MonHoc.TenMonHoc, BangDiem.DiemSo

From BangDiem

inner join MonHoc

On BangDiem.MaMonHoc=MonHoc.MaMonHoc

Where BangDiem.NgayKiemTra = '07/03/2026'

----- **HẾT** -----

Giáo viên ra đề